

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/DS-ST
Ngày 16/11/2021
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ và ông Nguyễn Như Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2021/TLST – DS, ngày 01 tháng 6 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Q và anh Bùi Văn T; nơi cư trú: Làng D, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn:

Chị Nguyễn Thị M, nơi cư trú: Làng D, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Anh Vũ Văn H, nơi đăng ký thường trú: Làng D, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai; hiện đang chấp hành án tại Trại giam G, xã L, huyện Y, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 12 tháng 5 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Q và anh Bùi Văn T trình bày:

Ngày 09/01/2017, chị Hoàng Thị Q và anh Bùi Văn T có cho vợ chồng anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị M vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay từ

ngày 09/01/2017 đến ngày 09/01/2018, theo “Giấy mượn tiền” có chữ ký của người vay tiền là anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị M, người làm chứng là chị Đỗ Thị Minh. Khoản vay không có lãi. Đến hết thời hạn vay, chị Q và anh T nhiều lần yêu cầu anh H và chị M trả nợ, nhưng anh H và chị M không thực hiện. Hiện anh H và chị M chưa trả được khoản tiền gốc và lãi nào. Chị Q, anh T yêu cầu anh H và chị M phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 09/01/2018 cho đến nay, mức lãi suất là 20%/năm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất, yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi từ ngày 10/01/2018 cho đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

- Ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thị M trong quá trình giải quyết vụ án:

Anh Vũ Văn H có thỏa thuận vay tiền với vợ chồng chị Hoàng Thị Q và anh Bùi Văn T để làm ăn. Khi vay tiền, anh H là người trực tiếp nhận tiền, số tiền vay bao nhiêu chị M không rõ, nhưng anh H có mang “Giấy mượn tiền” về cho chị M ký. Kể từ khi vay tiền, hàng tháng anh H có đưa cho chị M 8.000.000 đồng để trả tiền lãi cho vợ chồng chị Q, anh T. Tuy nhiên, việc giao tiền này chị không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh vì khi giao tiền giữa hai bên không lập văn bản gì và cũng không có người nào chứng kiến. Chị Q và anh T yêu cầu chị M và anh H trả nợ, tuy nhiên do anh H làm ăn thua lỗ và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, không có khả năng trả nợ. Chị M đề nghị đến khi nào anh H chấp hành án về thì sẽ làm ăn, kiếm tiền trả nợ cho chị Q và anh T.

- Ý kiến của bị đơn anh Vũ Văn H:

Anh H thừa nhận ngày 09/01/2017 có vay của chị Q, anh T số tiền 100.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng, thời hạn trả nợ là 01 năm. Trong thời gian vay tiền, anh H chỉ trả được tiền lãi cho chị Q, cụ thể mỗi tháng anh H trả 6.000.000 đồng, thời gian hết năm 2018 đến tháng 10/2019, chưa thực hiện trả nợ gốc. Khi trả tiền lãi, hai bên không lập văn bản về việc nhận tiền. Chị Q, anh T yêu cầu trả tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 66.400.000 đồng, anh H đề nghị trừ số tiền lãi đã trả, còn số tiền gốc, tiền lãi còn lại khi chấp hành án về sẽ làm ăn và trả dần.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là anh Vũ Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị M đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng

xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nguyên đơn cung cấp bản gốc “Giấy mượn tiền” để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, được bị đơn là chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Văn H thừa nhận nên có căn cứ xác định chứng cứ này là đúng sự thật.

[3] Anh H xác định khoản vay có lãi và mức lãi suất là 6%/tháng và hàng tháng có trả lãi 6.000.000đ, chị M cho rằng hàng tháng có trả lãi 8.000.000đ và đề nghị trừ số tiền lãi đã trả. Tuy nhiên, anh H và chị M xác định không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh và điều này không được nguyên đơn thừa nhận, đồng thời trong Giấy mượn tiền cũng không thể hiện nội dung thỏa thuận về việc trả lãi. Do đó, không có căn cứ xác định khoản vay có lãi và có việc trả lãi như bị đơn trình bày nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn về việc trừ tiền lãi đã trả.

[4] “Giấy mượn tiền” giữa các bên thể hiện thời hạn vay là 01 năm “từ ngày 09-01-2017 đến ngày 09-01-2018 (dương)”, không có thỏa thuận về trả tiền lãi, do đó đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi suất. Theo Điều 466 của BLDS thì “bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”, “trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Khoản 2 Điều 468 BLDS quy định mức lãi suất trong quá trình thực hiện hợp đồng là 10%/năm.

[5] Do đó, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày vi phạm thời hạn trả nợ là ngày 10/01/2018 cho đến hết ngày xét xử 16/11/2021 (1.407 ngày) là 38.547.945đ.

[5] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn thì bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là $(138.547.945 \times 5\%) = 6.927.397\text{đ}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Áp dụng các Điều 357, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị Q và anh Bùi Văn T.

Buộc chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Văn H phải trả cho chị Hoàng Thị Q và anh Bùi Văn T số tiền 138.547.945đ (một trăm ba mươi tám triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), tiền nợ lãi 38.547.945đ (ba mươi tám triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Hoàng Thị Q và anh Bùi Văn T cho đến khi thi hành án xong, chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Buộc chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Văn H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.927.397đ (sáu triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).

2.2. Trả lại cho chị Hoàng Thị Q và anh Bùi Văn T số tiền 4.160.000 đồng (bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0011958 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Huy

